

Bản án số: 333/2017/HSST
Ngày 21-12-2017

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lại Thị Ngọc Liên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Tô Văn Nhung
2. Ông Ngô Văn Hòa

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngân, là Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huệ - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 12 năm 2017, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thị xã D, tỉnh B xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 354/2017/HSST ngày 17 tháng 11 năm 2017 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 451/2017/QĐXXST-HS ngày 06 tháng 12 năm 2017 đối với bị cáo:

Huỳnh Thị X, sinh năm 1990 tại tỉnh T; thường trú: Ấp V, xã Q, thị xã N, tỉnh T; chỗ ở: Khu phố P, phường B, thị xã D, tỉnh B; nghề nghiệp: Buôn bán; trình độ học vấn: 12/12; con ông Huỳnh S, sinh năm 1961 và bà Danh Thị K, sinh năm 1959; chồng tên Huỳnh Tuấn V, sinh năm 1989 (đã ly hôn); có 01 con sinh năm 2011; có 03 anh chị em, lớn nhất sinh năm 1980, nhỏ nhất sinh năm 1992; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 31/8/2017 đến ngày 01/9/2017 được trả tự do. Ngày 12/9/2017, bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo tại ngoại, có mặt.

Người bị hại: Chị Bùi Thị P, sinh năm 1985; thường trú: Số 343/9, khu phố P2, phường T, thị xã D, tỉnh B. Có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

Người làm chứng:

1. Chị Nguyễn Thị M, sinh năm 1967; thường trú: Số 12 Võ Văn Kiệt, phường N, quận 1, Thành phố M. Chỗ ở: Số 30, đường số 2, khu phố N1, phường A, thị xã D, tỉnh B. Vắng mặt.

2. Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1984; thường trú: Xóm 4, thôn C, xã V, huyện Y, tỉnh G; chỗ ở hiện nay: Tổ 2, Đặng Văn Mây, khu phố C, phường H, thị xã D, tỉnh B. Vắng mặt.

3. Anh Đỗ Hữu Thái B, sinh năm 1999; địa chỉ: Tổ 24A, khu phố L, phường H, thị xã D, tỉnh B. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 08 giờ 00 phút ngày 31/8/2017, chị Bùi Thị P gọi điện thoại nhờ Huỳnh Thị X chở chị P ra quán cà phê Đức Phát thuộc khu phố T, phường H, thị xã D, tỉnh B. Đến khoảng 8 giờ 30 phút, sau khi đến quán cà phê Đức Phát thì chị P đi vào bên trong quán còn X đứng ở ngoài trông xe. Sau đó, X mở cốp xe thì thấy 01 cái bóp da màu trắng hồng, X mở bóp ra và thấy có nhiều tờ tiền mệnh giá 200.000 đồng, X rút một số tiền rồi bỏ vào túi áo khoác của mình. Cùng lúc đó, em Đỗ Hữu Thái B gặp X để giao hàng mỹ phẩm, X lấy 600.000 đồng ra trả cho B. Chị P đi ra thì thấy X đang cầm 03 tờ tiền mệnh giá 200.000 đồng có số sê ri là: PS11898278; DQ09436308 và ON11005216 trùng khớp với số sê ri trên tờ tiền mà chị P đã chụp hình lại trước đó nên chị P gọi điện thoại nhờ chị Nguyễn Thị T (là bạn của P) đến chở X về công an phường H để làm việc.

Chị T điều khiển xe ô tô biển số: 61A-28851 chở X đi, còn chị P đi xe mô tô. Trên đường đến công an phường, X ngồi ở ghế sau và lấy số tiền 2.000.000 đồng có mệnh giá 200.000 đồng/tờ bỏ vào túi lưới để đồ phía sau ghế ngồi của xe để cất giấu. Tại công an phường H, X đã thừa nhận hành vi lấy trộm tiền của chị P nên công an phường H lập biên bản đầu thú và chuyển hồ sơ cho Cơ quan cảnh sát điều tra công an thị xã D xử lý theo thẩm quyền.

Quá trình điều tra, Cơ quan cảnh sát điều tra công an thị xã D đã thu giữ số tiền 2.000.000 đồng được giấu trên xe ô tô biển số : 61A-28851 và lập biên bản tạm giữ số tiền trên đồng thời so sánh số sê ri, kết quả trùng khớp với số sê ri tiền của chị P đã chụp trước đó gồm: 09312552; 09370235; 10034529; 11090722; 1120211; 09288780; 10680037; 11948220; 07561975; 13974954. Huỳnh Thị X đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội.

Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại Bùi Thị P đã nhận lại số tiền 2.600.000 đồng và không có ý kiến gì.

Tại cáo trạng số 332/QĐ - KSĐT ngày 15 tháng 11 năm 2017, Viện Kiểm sát nhân dân thị xã D, tỉnh B truy tố Huỳnh Thị X về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật Hình sự. Tại phiên tòa, trong phần tranh luận đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã D giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 138; Điểm g, h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; khoản 1, khoản 2 Điều 31 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Huỳnh Thị X với mức hình phạt từ 06 đến 09 tháng cải tạo không giam giữ.

Tại phiên tòa, bị cáo Huỳnh Thị X xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thị xã D, Điều tra viên, Viện Kiểm sát nhân dân thị xã D, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng; người bị hại và những người làm chứng cũng không có khiếu nại gì. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về nội dung vụ án: Khoảng 8 giờ 30 phút, tại quán cà phê Đức Phát thuộc khu phố T, phường H, thị xã D, tỉnh B, Huỳnh Thị X đã lén lút chiếm đoạt số tiền 2.600.000 đồng của chị Bùi Thị P bằng cách mở cốp xe và lấy tiền trong bóp rồi bỏ vào túi áo khoác của mình cất giấu, khi X đang cầm 600.000 đồng để trả tiền mua mỹ phẩm thì bị chị P phát hiện bắt giữ. Số tiền 2.000.000 đồng X giấu trên xe ô tô biển số : 61A-28851 đã được Cơ quan điều tra Công an thị xã D thu giữ.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 138 Bộ luật Hình sự thì: *“Người nào trộm cắp tài sản của người khác có giá trị từ hai triệu đồng đến dưới năm mươi triệu đồng hoặc dưới hai triệu đồng nhưng gây hậu quả nghiêm trọng hoặc đã bị xử phạt hành chính về hành vi chiếm đoạt hoặc đã bị kết án về tội chiếm đoạt tài sản, chưa được xoá án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc phạt tù từ sáu tháng đến ba năm”*.

Như vậy, hành vi của bị cáo chiếm đoạt tài sản của người bị hại có trị giá 2.600.000 đồng đã đủ yếu tố cấu thành tội Trộm cắp tài sản quy định tại khoản 1 Điều 138 Bộ luật Hình sự. Cáo trạng số 332/QĐ - KSĐT ngày 15 tháng 11 năm 2017 của Viện Kiểm sát nhân dân thị xã D và luận tội của Kiểm sát viên truy tố đối với bị cáo là có căn cứ đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Tính chất, mức độ của hành vi: Tội phạm do bị cáo thực hiện tuy là ít nghiêm trọng nhưng đã trực tiếp xâm phạm quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của người bị hại, gây mất trật tự trị an tại địa phương. Vì vậy, cần xử phạt bị cáo với mức án tương xứng với tính chất, mức độ tội phạm đã thực hiện, có xét đến các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo đủ để giáo dục, cải tạo và có tác dụng đấu tranh phòng ngừa chung.

[4] Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có.

[5] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo được xem xét khi quyết định hình phạt: Tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, tài sản chiếm đoạt đã thu hồi trả lại cho người bị hại. Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm g, h, p khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự, Hội đồng xét xử sẽ xem xét để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo thể hiện chính sách khoan hồng của pháp luật đối với người phạm tội.

[6] Về nhân thân: Bị cáo X có nhân thân tốt, quá trình sinh sống tại địa phương chấp hành tốt chính sách pháp luật Nhà nước và địa phương, hoàn cảnh kinh tế gia đình khó khăn, bị cáo có 01 người con còn nhỏ và 01 mẹ già, bị cáo đã ly hôn chồng nên bị cáo là lao động chính trong gia đình và chăm sóc con.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Tài sản bị chiếm đoạt đã thu hồi trả lại cho người bị hại. Người bị hại không còn yêu cầu gì khác nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Xét bị cáo phạm tội ít nghiêm trọng, nhất thời phạm tội, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, trong thời gian bị cáo được tại ngoại luôn chấp hành tốt chính sách pháp luật của Nhà nước và địa phương. Vì vậy, không cần cách ly bị cáo khỏi đời sống xã hội mà cần áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ đối với bị cáo cũng đủ sức giáo dục, răn đe, cải tạo riêng cho bị cáo và có tác dụng đấu tranh phòng ngừa chung cho xã hội. Xét bị cáo là lao động chính trong gia đình và có thu nhập thấp, đang nuôi mẹ già và con nhỏ. Vì vậy, Hội đồng xét xử không áp dụng khấu trừ một phần thu nhập, khi quyết định hình phạt cải tạo không giam giữ đối với bị cáo X theo quy định tại khoản 3 Điều 31 Bộ luật Hình sự.

[9] Mức hình phạt do đại diện Viện Kiểm sát đề nghị áp dụng đối với bị cáo X là phù hợp với tính chất, mức độ và hành vi phạm tội của bị cáo đã thực hiện nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[10] Án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo phải nộp theo quy định tại khoản 1, 2 Điều 99 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a, khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Huỳnh Thị X phạm tội Trộm cắp tài sản.

Áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm g, h, p khoản 1; khoản 2 Điều 46; khoản 1, 2 Điều 31 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Huỳnh Thị X 07 (bảy) tháng cải tạo không giam giữ, được khấu trừ thời gian tạm giữ 01 (một) ngày, tương đương 03 (ba) ngày cải tạo không giam giữ. Bị cáo còn phải chấp hành 06 (sáu) tháng 27 (hai mươi bảy) ngày cải tạo không giam giữ. Thời gian chấp hành hình phạt tính từ ngày Ủy ban

nhân dân phường T, thị xã D, tỉnh B nhận được bản án và quyết định thi hành án.

Giao bị cáo Huỳnh Thị X cho phường T, thị xã D, tỉnh B giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ. Trong trường hợp người đang chấp hành án cải tạo không giam giữ thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều 75 của Luật Thi hành án hình sự.

2. Án phí hình sự sơ thẩm: Áp dụng khoản 1, 2 Điều 99 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2003; điểm a, khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Huỳnh Thị X phải nộp 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Người bị hại vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- VKSND thị xã D;
- Công an thị xã D;
- Chi cục THADS thị xã D;
- TAND tỉnh B;
- Sở Tư pháp tỉnh B;
- Bị cáo; người bị hại;
- UBND phường T, tx. D, B.
- Lưu: VT, HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lại Thị Ngọc Liên